

Số: 1219 /QĐ-ĐHTV

Trà Vinh, ngày 02 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v liên kết đào tạo trình độ đại học
với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 2202/QĐ-ĐHTV ngày 05/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc ban hành Quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản xác nhận điều kiện đảm bảo chất lượng của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh ngày 15/5/2021;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Phát triển nguồn lực.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện liên kết đào tạo trình độ đại học giữa Trường Đại học Trà Vinh với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh.

Ngành đào tạo: Luật, Nông nghiệp, Thú y, Kế toán, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.

Điều 2. Giao Viện Phát triển nguồn lực chịu trách nhiệm phối hợp với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh và các đơn vị có liên quan tổ chức hoạt động liên kết đào tạo theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Trường TC KTKT Tây Ninh;
- Như Điều 3;
- Website TVU;
- Lưu: VT, VPTNL.



Nguyễn Minh Hòa

UBND TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **363** /ĐHTV – VPTNL

Trà Vinh, ngày **25** tháng **02** năm 2022

V/v báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với
Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật
Tây Ninh năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh

Trường Đại học Trà Vinh là trường đại học công lập, được thành lập theo Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Quyết định số 486/QĐ-TTg ngày 13/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Trường Đại học Trà Vinh hoạt động theo hướng đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và cả nước. Đặc biệt trường được phép tuyển sinh trên toàn quốc với các trình độ và loại hình đào tạo khác nhau như: tiến sĩ; thạc sĩ; đại học (chính quy, liên thông, vừa làm vừa học, từ xa).

Thực hiện Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, theo đó các bên tham gia liên kết đào tạo phải đảm bảo các điều kiện và tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh.

Trên cơ sở đề nghị liên kết đào tạo trình độ đại học năm 2022 của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh và năng lực đào tạo của Trường Đại học Trà Vinh; sau khi khảo sát, bàn bạc và thống nhất về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường Đại học Trà Vinh tiến hành liên kết đào tạo đại học, liên thông trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học năm 2022 với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh các ngành: Luật, Nông nghiệp, Thú y, Kế toán, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.

Trường Đại học Trà Vinh kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, rất mong Quý lãnh đạo quan tâm và tạo điều kiện giúp chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGH Trường;
- Trường TC KTKT Tây Ninh;
- Lưu: VT, VPTNL

KI HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Hòa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3002/BGDĐT-GDDH
V/v: Liên kết đào tạo trình độ
đại học hình thức VL VH.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2014

Kính gửi: Trường Đại học Trà Vinh

Ngày 05 tháng 6 năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được hồ sơ kèm theo tờ trình số 658/TTr - ĐHTV của Trường Đại học Trà Vinh đề nghị được liên kết đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm, vừa học ngành Luật, Kế toán, Nông nghiệp với Trường Trung cấp Việt - Nhật; ngành Luật, Kế toán với Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Cà Mau; ngành Luật với Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Yên; ngành Luật, Công nghệ Thông tin, Kế toán với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang; ngành Dược với Trường Trung cấp Y - Dược Phạm Ngọc Thạch; ngành Luật, Dược với Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm; ngành Công nghệ Thông tin, Kế toán, Chăn nuôi, Luật, Nông nghiệp với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh; ngành Giáo dục Mầm non, Điều dưỡng, Kế toán, Dược với Trường Trung cấp Việt - Anh. Sau khi xem xét hồ sơ liên kết đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

1. Căn cứ nhu cầu đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức tỉnh Long An, tỉnh Cà Mau, tỉnh Phú Yên, tỉnh An Giang, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Nghệ An (công văn số 57/UBND-VX ngày 08 tháng 1 năm 2014 của Ủy ban nhân tỉnh Long An; Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 25 tháng 1 năm 2014 của Ủy ban nhân tỉnh Cà Mau; công văn số 71/TB-UBND ngày 23 tháng 1 năm 2014 của Ủy ban nhân tỉnh Phú Yên; Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân tỉnh An Giang; công văn số 154/UBND-VX ngày 17 tháng 1 năm 2014 của Ủy ban nhân tỉnh Tây Ninh; công văn số 3747/UBND-VX ngày 03 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân tỉnh Nghệ An và Quyết định số 42/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về liên kết đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và năng lực của Trường Đại học Trà Vinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý để Trường Đại học Trà Vinh liên kết đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm, vừa học ngành Luật, Kế toán, Nông nghiệp với Trường Trung cấp Việt - Nhật; ngành Luật, Kế toán với Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Cà Mau; ngành Luật với Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Yên; ngành Luật, Công nghệ Thông tin, Kế toán với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang; ngành Công nghệ

Thông tin, Kế toán, Chăn nuôi, Luật, Nông nghiệp với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh; ngành Giáo dục Mầm non, Điều dưỡng, Kế toán với Trường Trung cấp Việt - Anh.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh nằm trong tổng chỉ tiêu năm 2014 của Trường Đại học Trà Vinh.

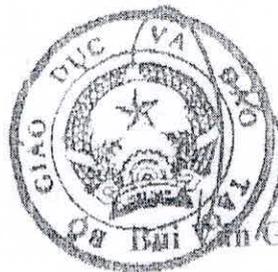
3. Trường Đại học Trà Vinh chịu trách nhiệm tuyển sinh, đào tạo, cấp bằng tốt nghiệp theo đúng các quy định hiện hành.

Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo để Trường Đại học Trà Vinh được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các tỉnh: Long An, Cà Mau, Phú Yên, An Giang, Tây Ninh, Nghệ An;
- Trường TC Việt - Nhật; Trường TC Kinh tế - Kỹ thuật An Giang; Trường TC Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh; Trường Trung cấp Việt - Anh;
- Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Cà Mau, tỉnh Phú Yên;
- Lưu: VT, Vụ GDDH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**

Số: 120/SY.

SAO Y BẢN CHÍNH

Trà Vinh, ngày 13 tháng 6 năm 2014

Nơi nhận:

- Viện PTNL;
- Ctec;
- Lưu: VT.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG HC-TC**



Nguyễn Chính

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 265 /SGDDĐT-GDTXCN

Tây Ninh, ngày 14 tháng 02 năm 2019

V/v thực hiện liên kết đào tạo theo
Thông tư 07/2017/TT-BGDĐT.

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật Tây Ninh.

Thực hiện Thông tư 07/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học và Thông báo số 4897/TB-VP ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về Kết luận của đồng chí Nguyễn Thanh Ngọc, Phó Chủ tịch tỉnh tại buổi họp cho ý kiến về chủ trương liên kết đào tạo của trường Trung cấp Á Châu và báo cáo công tác liên kết đào tạo thời gian qua, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật Tây Ninh thực hiện theo tinh thần Thông báo số 4897/TB-VP ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về kết luận của đồng chí Nguyễn Thanh Ngọc, Phó Chủ tịch tỉnh (*Thông báo kèm theo*).

Khi học viên có nhu cầu đăng ký học nâng cao trình độ, các đơn vị có thể chủ động liên kết với các trường đại học có đủ điều kiện theo quy định và lưu trữ hồ sơ liên kết theo Thông tư 07/2017/TT-BGDĐT và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo.

Báo cáo về công tác liên kết đào tạo về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng GDTX-CN) trước ngày 10/12 hàng năm theo quy định của Thông tư 07/2017/TT-BGDĐT để Sở Giáo dục và Đào tạo tập hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật Tây Ninh thực hiện đúng các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, GDTX-CN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Hải

UBND TỈNH TÂY NINH
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2897 /TB-VP

Tây Ninh, ngày 10 tháng 9 năm 2018

THÔNG BÁO

Kết luận của đồng chí Nguyễn Thanh Ngọc, Phó Chủ tịch UBND tỉnh

SỐ LĐTĐ VÀ XH TÂY NINH
Số: 1191/18
ĐẾN
buổi họp cho ý kiến về chủ trương liên kết đào tạo của trường Trung cấp Á Châu và báo cáo công tác liên kết đào tạo trong thời gian qua

Ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại Phòng họp số 2 – Văn phòng UBND tỉnh, đồng chí Nguyễn Thanh Ngọc, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ trì buổi họp cho ý kiến về chủ trương liên kết đào tạo của trường Trung cấp Á Châu và báo cáo công tác liên kết đào tạo trong thời gian qua.

Sau khi nghe Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thông qua tờ trình chủ trương liên kết đào tạo và báo cáo công tác liên kết đào tạo trong thời gian qua, đồng chí Nguyễn Thanh Ngọc - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận cụ thể như sau:

- Theo Thông tư số 07/2017/TT-BGGĐT ngày 15/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học, khi tỉnh có nhu cầu đặt hàng chỉ tiêu đào tạo các ngành nghề phục vụ cho việc phát triển nguồn nhân lực của tỉnh thì UBND tỉnh sẽ có văn bản đề nghị. Đối với các trường hợp học viên có nhu cầu đăng ký học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thì các cơ sở đào tạo tự tổ chức lớp và chịu trách nhiệm về chất lượng. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát và hướng dẫn các trường thực hiện liên kết đào tạo đảm bảo theo quy định.

- Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện nghiêm túc báo cáo định kỳ về tình hình liên kết đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh trước ngày 31/12 hàng năm về UBND tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo đúng quy định tại Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động liên kết đào tạo trước ngày 31/12 hằng năm theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đến các đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: GDĐT, LĐTBXH;
- PCVP + KGVX;
- Lưu VT.VP UBND tỉnh.

(BKL lập PCT theo cơ bản của công tác liên kết đào tạo/Sing)

7

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Thị Hồng Nhung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT TÂY NINH**

1. Thời gian và địa điểm

Hôm nay, vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 15/05/2021, tại Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh

2. Thành phần tham dự

2.1. Đại diện Trường Đại học Trà Vinh

- Ông Nguyễn Văn Nguyễn Chức vụ: Viện trưởng Viện PTNL, ĐHTV
- Ông Phạm Quốc Nhu Chức vụ: Chuyên viên Viện PTNL, ĐHTV

2.2. Đại diện Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh

- Ông Phạm Văn Vinh Chức vụ: Hiệu trưởng
- Ông Nguyễn Dương Quốc Việt Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông Trần Hữu Hạnh Chức vụ: Phó Trưởng phòng

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ liên kết đào tạo

a. Môi trường sư phạm

* *Trụ sở 1:*

- Tổng diện tích khuôn viên: **11.118,5m²**
- Có hàng rào, sân trường, cây xanh, bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh, phù hợp cảnh quan. Môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

* *Trụ sở 2:*

- Tổng diện tích khuôn viên: **50.000m²**
- Có hàng rào, sân trường, cây xanh, bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh, phù hợp cảnh quan. Môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

b. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

* *Trụ sở 1:*

- Phòng học, phòng thực hành và các loại máy móc thiết bị hiện có

Tt	Tên loại	Số lượng/ diện tích	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Phòng học dùng chung (Hội trường)	1/283,2m ²	Phòng	

2	Phòng học lý thuyết	12/43,2m ²	Phòng	
3	Phòng thực hành nghề điện	3/43,2m ²	Phòng	
4	Phòng thực hành nghề MCN	1/43,2m ²	Phòng	
5	Phòng thực hành tin học	1/72m ²	Phòng	
6	Phòng thực hành tin học	1/34,8m ²	Phòng	

- Cơ sở thực hành, thực tập (Đơn vị tính là: xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi,...)

Tt	Tên loại	Số lượng/ diện tích	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Xưởng thực hành nghề điện	2/252m ²	Xưởng	
2	Xưởng thực hành nghề cơ khí	3/252m ²	Xưởng	
3	Xưởng thực hành nghề MCN	1/120m ²	Xưởng	

- Thư viện và học liệu (giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính,...): 01 phòng (80m²), 416 đầu sách.

- Phòng nghỉ giảng viên: 01 phòng (35,2m²), 01 phòng (23,8m²).

* Trụ sở 2:

- Phòng học, phòng thực hành và các loại máy móc thiết bị hiện có

Tt	Tên loại	Số lượng/ diện tích	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Hội trường 500 chỗ	01/1.142	Phòng/m ²	
2	Phòng học từ 100 - 120 chỗ	05/723,2	Phòng/m ²	
3	Phòng học 60-70 chỗ	01/60,48	Phòng/m ²	
4	Phòng học dưới 50 chỗ	20/2.320	Phòng/m ²	
5	Phòng học thực hành Lý	01/70,4	Phòng/m ²	
6	Phòng học thực hành Hóa	01/70,4	Phòng/m ²	
7	Phòng học thực hành Sinh	01/70,4	Phòng/m ²	
8	Phòng học thực hành ngành Chăn nuôi Thú y	01/70,4	Phòng/m ²	
9	Phòng học thực hành ngành Trồng trọt (Nông nghiệp- Môi trường)	01/70,4	Phòng/m ²	
10	Phòng học thực hành Vi tính ngành (Công nghệ Thông tin)	02/140,80	Phòng/m ²	

11	Phòng Lab	01/105,60	Phòng/m ²	
----	-----------	-----------	----------------------	--

- Cơ sở thực hành, thực tập (Đơn vị tính là: xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi,..)

Tt	Tên loại	Số lượng/ diện tích	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Khối nhà xưởng thực hành (xưởng)	04/648	Phòng/m ²	
2	Khối thực hành trồng trọt (Vườn thực nghiệm, các mô hình trồng cây công nghệ cao)	01/3,680	Vườn/m ²	
3	Nhà lưới trồng rau sạch	01/200	Nhà/m ²	
4	Khối trại chăn nuôi (heo, gà, bò, trạm thiết bị gieo tinh, hồ nuôi trồng thủy sản, hầm bioga)	01/300	Trại/m ²	
5	Khối TĐTT và Quốc phòng học đường Trong nhà	01/756	Phòng/m ²	
6	Khối TĐTT và Quốc phòng học đường Ngoài trời (sân bãi)	01/17,510	Sân bãi/m ²	

- Thư viện và học liệu (giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính,..): Phòng thư viện 50 chỗ HS + 20 GV/264,40m², 10.000 bản sách (1,80m²/HS).

- Phòng nghỉ giảng viên: 04 phòng (03/60,48m², 01/40,32m²).

3.2. Đội ngũ giảng viên giảng dạy, cán bộ tham gia quản lý liên kết đào tạo

a. Cán bộ tham gia quản lý:

Tt	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Chức danh	Công việc quản lý	Đơn vị phòng/khoa...
1	Phạm Văn Vinh	Ths. Kỹ thuật cơ khí	Hiệu trưởng	Trưởng ban	BGH
2	Nguyễn Dương Quốc Việt	Ths. Thú y, Cử nhân Luật	Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng ban	BGH
3	Phạm Trường Sinh	TS. Lịch sử Triết	Phó Hiệu trưởng	Quản lý SV + GVCN lớp	BGH

4	Lê Minh Đức	Ths. Giáo dục học	Phó Trưởng phòng	Quản lý SV	Phòng Đào tạo (TS 1)
5	Trần Hữu Hạnh	Cử nhân SP Anh	Phó Trưởng phòng	Quản lý SV + GVCN lớp	Phòng Đào tạo
6	Lê Thụy Vương Lan	Ths. Quản lý tài nguyên MT	Phó Trưởng phòng	Quản lý SV + GVCN lớp	Phòng Đào tạo (TS2)
7	Đỗ Thành Trung	Ths. Quản lý giáo dục; Cử nhân CNTT	Trưởng phòng	Quản lý thiết bị + GVCN lớp	Phòng Quản trị
8	Nguyễn Văn Long	Cử nhân Nông nghiệp PTNN	Phó Trưởng phòng	Quản lý cơ sở vật chất + GVCN lớp	Phòng Quản trị
9	Tạ Thị Diễm Trang	Ths. Quản lý giáo dục; Cử nhân kế toán	Phó Trưởng phòng	Quản lý CT kế toán	Phòng TC-HC
10	Phạm Nguyễn Thu Vân	Cử nhân Kế toán	Nhân viên	Phụ trách kế toán	Phòng TC-HC

b. Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy:

Tt	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Môn giảng dạy (dự kiến)	Ngành giảng dạy
1	Nguyễn Dương Quốc Việt	Ths. Thú y, Cử nhân Luật	- Bệnh truyền nhiễm thú y	
2	Phạm Trường Sinh	TS. Lịch sử Triết	- Triết học Mác - Lênin - Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	26/6/2021
3	Lê Thị Kim Lan	Ths. Thú y	- Tổ chức và phôi thai học	26/6/2021
4	Hoàng Trọng Tám	Ths. GD Chính trị	Kinh tế chính trị	10/7/2021
5	Lê Thị Mai Thảo	Ths. Trồng trọt	- Phân bón - Thủy nông đại cương	
6	Trương Thị Ngọc Loan	Ths. Trồng trọt	- Khuyến nông - Chính sách phát triển NNNT	

7	Đỗ Thanh Tâm	Ths. Khoa học cây trồng	- Quản lý đất - Trồng trọt đại cương	22/5/2021
8	Đoàn Thị Hồng Điềm	Ths. Trồng trọt	Quản lý dịch hại tổng hợp	
9	Trần Thị Thùy Trinh	Ths. Nông học	- Xã hội học nông thôn - Chọn giống cây trồng	

* Lưu ý: Giảng viên tham gia giảng dạy phải có trình độ thạc sĩ trở lên, đã tốt nghiệp các ngành sư phạm hoặc có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giảng dạy đại học.

3.3. Việc đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục

- Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục
- Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục

4. Kết luận

Từ thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng nêu trên, tổ công tác Trường Đại học Trà Vinh sẽ báo cáo Hiệu trưởng xem xét quyết định việc liên kết đào tạo trình độ đại học các ngành Luật; Nông nghiệp; Thú y; Kế toán; Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử theo đề nghị của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh.

Buổi làm việc kết thúc vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày./.

**ĐẠI DIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**



Nguyễn Văn Nguyễn

**ĐẠI DIỆN
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ -
KỸ THUẬT TÂY NINH**



Phạm Văn Vinh

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THAM GIA GIẢNG DẠY
KHOÁ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO**

Ngành/chuyên ngành: Luật

Thời gian đào tạo: tốt nghiệp trung cấp, đại học học 2,5 – 3 năm

Cơ sở phối hợp đào tạo: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Môn giảng dạy (dự kiến)
1.	Bùi Quang Nhơn	Tiến sĩ Luật	Phương pháp nghiên cứu khoa học Luật Luật Thương mại 1 Luật Thương mại 2
2.	Nguyễn Anh Tuấn	Tiến sĩ Luật	Luật Dân sự 1 Luật Sở hữu trí tuệ
3.	Nguyễn Thị Kim Vinh	Tiến sĩ Luật học	Luật Tố tụng Hình sự 1 Luật Tố tụng Hình sự 2
4.	Nguyễn Thị Láng	Tiến sĩ Luật	Luật Đầu tư Luật Thương mại 1 Luật Thương mại 2
5.	Nguyễn Thị Việt Hà	Tiến sĩ Luật	Luật Hình sự 1 Luật Hình sự 2 Tội phạm học
6.	Huỳnh Thị Trúc Linh	Thạc sĩ Luật	Luật Thương mại 1 Luật Thương mại 2 Luật Lao động
7.	Diệp Huyền Thảo	Tiến sĩ Luật	Luật Dân sự 1 Luật Dân sự 2 Luật Tố tụng Dân sự 1
8.	Trần Thị Ngọc Hiếu	Tiến sĩ Luật	Luật Hình sự 1 Luật Hình sự 2 Luật Tố tụng Hình sự 1
9.	Đỗ Thị Mai Thu	Thạc sĩ	Phương pháp nghiên cứu khoa học Luật Luật Hành chính
10.	Trần Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ Luật Kinh tế	Luật Ngân hàng Pháp luật về tài chính

			Pháp luật về chứng khoán
11.	Phan Minh Giới	Thạc sĩ Luật kinh tế	Luật Thương mại 1 Luật Thương mại 2 Luật cạnh tranh
12.	Ngô Thị Phương Thảo	Thạc sĩ Luật Kinh tế	Lịch sử Nhà nước pháp luật Việt Nam Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật
13.	Dương Thị Mỹ Ngọc	Thạc sĩ Luật Quốc tế	Tội phạm học Luật sở hữu trí tuệ Luật hành chính đô thị
14.	Dương Phan Thùy Dung	Thạc sĩ Luật Hình sự	Luật Hình sự 1 Luật Hình sự 2 Luật Tố tụng Hình sự 1
15.	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Thạc sĩ Luật Kinh tế	Công pháp quốc tế Luật Thương mại quốc tế
16.	Nguyễn Huy Hoàng	Thạc sĩ Luật Dân sự	Luật Hôn nhân và Gia đình Luật Hiến pháp Lý luận NN và pháp luật
17.	Nguyễn Thị Anh Thư	Thạc sĩ Luật Dân sự	Tư pháp quốc tế Luật Dân sự 1 Luật Dân sự 2
18.	Nguyễn Thái Mỹ Anh	Thạc sĩ Quản lý	Kỹ năng tiếp cận và phát triển nghề nghiệp
19.	Lê Thúy Hằng	TS. Triết học	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học
20.	Nguyễn Quang Hùng	ThS. Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh
21.	Trần Mộng Đầy	ThS. Triết học	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Trà Vinh, ngày 12 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu



Đoàn Thị Mỹ Hạnh

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Minh Hòa

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ KỸ THUẬT TÂY NINH

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2020

Tây Ninh, tháng 12 năm 2020

NỘI DUNG CHÍNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ KỸ THUẬT
TÂY NINH

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Nội dung viết tắt
1	Bộ LĐTB&XH	Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội
2	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	UBND	Ủy ban nhân dân
4	BGH	Ban giám hiệu
5	CBVC	Cán bộ viên chức
6	CBCCVC	Cán bộ công chức viên chức
7	CBGV-NV	Cán bộ giáo viên – nhân viên
8	CBGV- NLĐ	Cán bộ giáo viên – người lao động
9	HSSV	Học sinh sinh viên
10	ĐVTN	Đoàn viên thanh niên
11	VHVN -TDTT	Văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao
12	TC KTKT	Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật
13	KTXH	Kinh tế xã hội
14	TCGDNN	Tổng cục giáo dục nghề nghiệp
15	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
16	TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
17	GV	Giáo viên
18	GV - HS	Giáo viên – học sinh
19	CTĐT	Chương trình đào tạo
20	NCKH	Nghiên cứu khoa học
21	CGCN	Chuyên giao công nghệ
22	HTQT	Hợp tác quốc tế
23	KH- CN	Khoa học công nghệ
24	CSGDNN	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
25	CTNB	Chi tiêu nội bộ
26	NSNN	Ngân sách nhà nước
27	TC - HC	Tổ chức – Hành chính

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

- 1.1. Tên tiếng Việt: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh
- 1.2. Tên tiếng Anh: Tay Ninh Technical - Economic School.
- 1.3. Cơ quan chủ quản: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
- 1.4. Địa chỉ trường:
 - Trụ sở 1: Khu phố Gia Lâm, Phường Gia Lộc, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
 - Trụ sở 2: ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
- 1.5. Số điện thoại: Trụ sở 1: 02763.893.366; Trụ sở 2: 02763. 842.114
- 1.6. Fax: 0276.3842.114
- 1.7. Email: tckinhtekythuattayninh@gmail.com
- 1.8. Website: ktkttayninh.edu.vn
- 1.9. Năm thành lập trường: 2020
- 1.10. Loại hình trường đào tạo: Công lập: Tư thực:

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG

2.1. Lịch sử phát triển trường

Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh, trên cơ sở hợp nhất Trường Trung cấp Khu vực Nam Tây Ninh và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh. Trường có 2 trụ sở: Trụ sở 1 tại Khu phố Gia Lâm, Phường Gia Lộc, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và Trụ sở 2: ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

+ Trường Trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tây Ninh, Trường được thành lập theo Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 26/7/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh

+ Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường được thành lập theo Quyết định số 103/QĐ, ngày 25/12/1975 của Tổng cục Nông nghiệp trên cơ sở cải tổ và xây dựng mới trường Trung học Nông Lâm Súc Tây Ninh. Từ năm 2008, trường được đổi tên thành trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 27/02/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. Trường chuyển từ Sở Giáo dục – Đào tạo sang Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh đã và đang hoàn thiện về cơ cấu bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và cơ sở vật chất được đầu tư theo hướng hiện đại để đáp ứng phần lớn nhu cầu quản lý, giảng dạy, học tập và phục vụ. Chính vì thế, trong suốt quá trình tổ chức hoạt động, Nhà trường luôn gắng thực hiện chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh Tây Ninh giao với sứ mạng “Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ từ trung cấp trở xuống, có đạo đức, tri thức và kỹ năng nghề nghiệp trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ; tổ chức hợp tác với các cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh; giới thiệu việc làm,

đào tạo, bồi dưỡng góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương trong bối cảnh hội nhập quốc tế”.

2.3. Chức năng, nhiệm vụ của trường

2.3.1. Chức năng

Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh là cơ sở giáo dục nghề nghiệp bậc trung cấp có chức năng đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ trung cấp và các trình độ thấp hơn, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp nhằm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, gồm các ngành nghề chủ yếu như: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Cắt gọt kim loại, Kế toán doanh nghiệp, Quản trị mạng máy tính, Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chăn nuôi - Thú y, Tin học ứng dụng, Quản lý đất đai, ...

2.3.2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Tây Ninh có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo quy định;

- Tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình đào tạo đối với từng ngành, nghề được phép đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và in phôi văn bằng, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Tuyển dụng, quản lý giáo viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường bảo đảm đủ về số lượng, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

- Thực hiện dân chủ, công khai trong việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động tài chính; có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo, giáo viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường;

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính của trường theo quy định của pháp luật;

- Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc trường theo cơ cấu tổ chức được phê duyệt trong quy chế tổ chức, hoạt động của trường; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức vụ từ cấp trưởng phòng, khoa và tương đương trở xuống theo quy định;

- Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động đào tạo về lập kế hoạch đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học;

- Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động;

- Sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của trường, chi cho các hoạt động đào tạo và bổ sung nguồn tài chính của trường theo quy định của pháp luật;

- Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất; được hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao theo hợp đồng đặt hàng; được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng theo quy định của pháp luật.

2.4. Những thành tích nổi bật của trường

- Dưới sự lãnh đạo của Chi ủy, BGH nhà trường và sự phối hợp với các Đoàn thể, Nhà trường đã tổ chức tốt nhiều hoạt động thi đua dạy tốt, học tốt, hoàn thành nhiệm vụ đào tạo và phát triển nhà trường. Với những thành tích hoạt động trong thời gian qua, Nhà trường đã được Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh Tây Ninh tặng Bằng khen.

- Chi ủy nhà trường đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Chi bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu "Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên".

- Tổ chức Công đoàn hoạt động có hiệu quả cao, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác giảng dạy và học tập, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Công đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổ chức và thực hiện Nghị quyết hội nghị Cán bộ - Viên chức hàng năm. Thực hiện các phong trào thi đua sôi nổi có hiệu quả, đời sống của CBVC ngày càng được nâng lên cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều năm liền Công đoàn trường đạt danh hiệu: "*Công đoàn cơ sở vững mạnh*" trở lên; nhiều đoàn viên được tặng Giấy khen Công đoàn viên chức tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh.

- Đoàn trường đã tập hợp được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia các hoạt động khơi dậy tính sáng tạo và lý tưởng cách mạng. Với đặc điểm phần lớn đoàn viên, thanh niên là HSSV nên các hoạt động của Đoàn đều hướng về chủ đề học tập, rèn luyện để ngày mai lập thân lập nghiệp. Thông qua các hoạt động nhằm giúp HSSV có định hướng đúng trong học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức để sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm. Đoàn trường cũng đã tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa cho đoàn viên thanh niên như văn hóa văn nghệ, TDTT; tham gia tốt các hoạt động tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo hàng năm... Công tác tập hợp thanh niên, giáo dục truyền thống có những chuyển biến tích cực. Đoàn trường luôn đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên do Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn Tây Ninh và Đoàn Khối các cơ quan tỉnh phát động.

* Một số thành tích cụ thể:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày tháng năm của QĐ, cơ quan ban hành
2018	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 2393/UBND, ngày 26/9/2018 của Chủ tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
2019	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1631/UBND, ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND Tỉnh Tây Ninh

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA TRƯỜNG

3.1. Tổ chức bộ máy

- Ban Giám hiệu: 2
- Phòng Tổ chức - Hành chính: 09
- Phòng Đào tạo: 12
- Phòng Quản trị: 9
- Khoa Điện: 9
- Khoa Cơ khí: 04
- Khoa Nông nghiệp - Môi trường: 09
- Khoa Kinh tế - Dịch vụ: 08
- Khoa Công nghệ thông tin: 08
- Khoa cơ bản: 05

3.2. Cán bộ, giáo viên

Hiện trường có 3 phòng và 6 khoa. Số cán bộ, viên chức là 75 người. Trong đó, Sau đại học: 24, Đại học: 46, Cao đẳng: 01, Trình độ khác: 4. Cán bộ quản lý: Ban Giám hiệu: 02; Trưởng, phó Phòng/Khoa: 16; Giáo viên cơ hữu: 50; Giáo viên hợp đồng: 01; Nhân viên: 6 người. Hầu hết giáo viên đã được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề.

3.3. Danh sách cán bộ lãnh đạo của Nhà trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh
1. Ban Giám hiệu	Phạm Văn Vinh	1984	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng phụ trách
	Nguyễn Dương Quốc Việt	1976	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên				
Chi bộ 1 (Trụ sở 1)	Phạm Văn Vinh	1984	Thạc sĩ	Bí thư
		1981	Tiến sĩ	Phó Bí thư
Chi bộ 2 (Trụ sở 2)	Nguyễn Dương Quốc Việt	1976	Thạc sĩ	Bí thư
	Phạm Trường Sinh	1981	Tiến sĩ	Phó Bí thư
Công đoàn (Trụ sở 1)	Hồ Thị Huệ	1978	Cử nhân	Chủ tịch
	Nguyễn Duy Phước	1983	Kỹ sư	Phó Chủ tịch
Công đoàn (Trụ sở 2)	Lê Thị Kim Lan	1972	Thạc sĩ	Chủ tịch
	Ngô Tấn Thành	1980	Cử nhân	Phó Chủ tịch
Đoàn thanh niên (Trụ sở 1)	Thái Thị Hồng Nhi	1989	Cử nhân	Bí thư
	Nguyễn Ngọc Sang	1987	Cử nhân	Phó Bí thư
Đoàn thanh niên (Trụ sở 2)	Hoàng Trọng Tám	1985	Cử nhân	Bí thư
	Hồ Phú Cường	1987	Thạc sĩ	Phó Bí thư
	Bùi Thị Mỹ Tiên	1989	Cử nhân	Phó Bí thư
3. Các phòng/khoa				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Phạm Trường Sinh	1981	Tiến sĩ	Trưởng phòng
	Tạ Thị Diễm Trang	1979	Thạc sĩ	P. Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Lê Minh Đức	1976	Thạc sĩ	Phụ trách phòng
	Lê Thụy Vương Lan	1976	Thạc sĩ	P. Trưởng phòng
	Trần Hữu Hạnh	1982	Cử nhân	P. Trưởng phòng
Phòng Quản trị	Đỗ Thành Trung	1978	Thạc sĩ	Trưởng phòng
	Nguyễn Văn Long	1973	Cử nhân	P. Trưởng phòng
Khoa Nông nghiệp - Môi trường	Trần Thị Thùy Trinh	1975	Thạc sĩ	Trưởng khoa
	Lê Thị Kim Lan	1972	Thạc sĩ	P. Trưởng khoa
Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Huyền Trinh	1978	Thạc sĩ	Trưởng khoa
	Hồ Phú Cường	1987	Thạc sĩ	P. Trưởng khoa
Khoa Kinh tế - Dịch	Huỳnh Ngọc Cẩm Tú	1978	Thạc sĩ	Trưởng khoa

vụ	Đặng Thị Dương Hồng	1981	Thạc sĩ	P. Trưởng khoa
Khoa Điện	Lưu Quang Nhật Lâm	1969	Đại học	Phụ trách khoa
Khoa Cơ khí	Nguyễn Trọng Hiếu	1979	Kỹ sư	Phụ trách khoa
Khoa Cơ bản	Nguyễn Thị Huệ		Thạc sĩ	Phụ trách khoa

4. CÁC NGÀNH NGHỀ VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG

4.1 Các ngành nghề đào tạo:

Hiện nay, nhà trường đã được cấp Giấy chứng nhận hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 14 ngành trình độ trung cấp cụ thể như sau:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Điện công nghiệp	5520227	Trung cấp	60
2	Điện tử công nghiệp	5520225	Trung cấp	30
3	Cắt gọt kim loại	5520121	Trung cấp	50
4	Quản trị mạng máy tính	5480209	Trung cấp	30
5	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	5620110	Trung cấp	70
6	Chăn nuôi thú y	5620119	Trung cấp	70
7	Tin học ứng dụng	5480206	Trung cấp	70
8	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp	80
9	Quản lý đất đai	5850102	Trung cấp	30
10	Kế toán - Tin học	5340306	Trung cấp	30
11	Nông nghiệp công nghệ cao	5620131	Trung cấp	30
12	Bảo vệ môi trường công nghiệp	5850105	Trung cấp	30
13	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	Trung cấp	20
14	Kỹ thuật xây dựng	5580201	Trung cấp	30

4.2. Quy mô đào tạo: Số học sinh đang học năm 2020

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trình độ đào tạo	Số lượng học sinh
1	Điện công nghiệp	5520227	Trung cấp	187
2	Điện tử công nghiệp	5520225	Trung cấp	51
3	Cắt gọt kim loại	5520121	Trung cấp	91
4	Quản trị mạng máy tính	5480209	Trung cấp	54
5	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	5620110	Trung cấp	116
6	Chăn nuôi thú y	5620119	Trung cấp	47
7	Tin học ứng dụng	5480206	Trung cấp	142
8	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp	32
9	Quản lý đất đai	5850102	Trung cấp	15
10	Kế toán - Tin học	5340306	Trung cấp	
11	Nông nghiệp công nghệ cao	5620131	Trung cấp	

5. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH

5.1. Cơ sở vật chất

5.1.1. Cơ sở vật chất tại Trụ sở 1

Với tổng số diện tích là 11.118,50 m², được chia thành 05 phân khu. Với tổng số 16 phòng học lý thuyết, 01 giảng đường, với 05 dãy xưởng thực tập. Được phân bố cụ thể như sau:

- Khu A (Khu hiệu bộ): 01 trệt, 01 lầu, có 03 phòng ban giám hiệu, Phòng Tổ chức – Hành chính – Kế toán, Phòng Đào tạo, Phòng y tế, Phòng họp (nhỏ), Phòng quản lý thiết bị có tổng diện tích là: 5,78 m².

- Khu B (Khu chức năng): 01 trệt, 01 lầu, có giảng đường, phòng hội đồng, phòng giáo viên, xưởng may công nghiệp 1, BM tổng hợp, phòng vi tính, thư viện, phòng quản sinh, phòng lắp ráp cài đặt, có tổng diện tích là: 1.293 m².

- Khu C (Khu lý thuyết): 01 trệt, 01 lầu, 16 phòng lý thuyết, có tổng diện tích là: 1.105 m².

- Khu D (Khu nhà xưởng): 02 xưởng thực hành bộ môn điện, 03 xưởng thực hành bộ môn cơ khí, có tổng diện tích là: 1.494 m².

- Khu E (Khu ký túc xá): 01 trệt, 01 lầu, 20 phòng, có tổng diện tích là: 1.023,84 m².

Ngoài ra còn có một số công trình phụ khác như: Căn tin có diện tích 217,75 m², trạm điện dự phòng, phòng bảo vệ, khu vực nhà để xe giáo viên, khu vực nhà để xe học sinh ...

5.1.2. Cơ sở vật chất tại Trụ sở 2

- Tổng diện tích mặt bằng: 55.146 m².

+ Trụ sở chính: 50.000 m², trong đó diện tích xây dựng: 22.880,8 m².

+ Đất trồng lúa (học sinh thực hành): 5.146 m².

- Số phòng học lý thuyết: 22 phòng, Tổng diện tích xây dựng: 2.320,00m², diện tích sử dụng: 1.896,00m²; trong đó 20 phòng học và 02 giảng đường 100 chỗ (Theo đề án xây dựng).

+ Phòng học lý thuyết: 20 phòng, diện tích: 960,00m².

+ Giảng đường 100 chỗ: 02 giảng đường, diện tích: 368,00m².

- Giảng đường lớn 500 chỗ và câu lạc bộ, diện tích xây dựng: 1.142,m², diện tích sử dụng: 887,00m².

- Số phòng học dùng chung cho các nghề (Khối TĐTT và Quốc phòng học đường):

+ Khối TĐTT trong nhà (phòng tập): 01 phòng, diện tích: 756,00m².

+ Khối TĐTT ngoài trời (sân vận động bóng đá và khán đài), diện tích: 1.7510,00m².

* Số phòng thí nghiệm và xưởng thực hành:

- Phòng thí nghiệm thực hành: Tổng diện tích xây dựng 1.310,64m², diện tích sử dụng: 1.102,24 m².

- Phòng thực hành kế toán - Khoa kế toán: 01 phòng, diện tích: 40,32 m².

+ Phòng thí nghiệm (lý, hóa, sinh): 01 phòng, diện tích: 70,4 m².

+ Phòng thí nghiệm khoa trồng trọt: 01 phòng, diện tích: 70,4 m².

+ Phòng thí nghiệm khoa chăn nuôi: 01 phòng, diện tích: 70,4 m².

+ Trạm xá Thú y: 01 phòng, diện tích: 70,4 m².

+ Phòng Lab/45 học sinh: 01 phòng (diện tích: 105,60m²).

+ Phòng Vi tính/45 học sinh: 02 phòng (diện tích 211,2,m²).
- Khối thực hành chuyên môn trồng trọt (vườn thực hành, nhà lưới trồng rau sạch),
diện tích: 3.680,00m².

- Khối thực hành chuyên môn trại chăn nuôi (trại nuôi heo, nuôi gà, bò sữa, trạm
thiết bị gieo tinh, hầm nuôi trồng thủy sản, hầm bioga), diện tích: 3.000,00m².

* Số phòng thư viện, Ký túc xá, nhà ăn:

- Phòng thư viện 50 chỗ học sinh + 20 giáo viên: 01 phòng (diện tích: 264,40m²

- Ký túc xá học sinh: có 360 chỗ cho học sinh (trong đó có khu KTX với 120 chỗ
cho nữ): Có thể tiếp nhận nội trú gồm có 36 phòng, tổng diện tích: 1.776,00m²)

5.2. Trang thiết bị dạy nghề

5.2.1. Trang thiết bị dạy nghề tại Trụ sở 1

- BM TỔNG HỢP: 18 máy vi tính, 18 màn hình 19 in, 01 máy in màu, 01 ổn áp 50
KVA, 01 máy chiếu, 01 máy nén, 01 máy hút bụi.

- BM Điện:

+ Xưởng 1: 01 máy vi tính, 01 màn hình 19 in, 01 máy in màu, 38 máy móc thiết
bị, 77 mô hình, dụng cụ.

+ Xưởng 2: 08 máy vi tính, 08 màn hình 19 in, 01 máy chiếu, 01 màn chiếu, 39
máy móc thiết bị, 38 mô hình, dụng cụ.

- BM Cơ khí:

+ Xưởng 1: 07 máy khoan, 14 máy cưa, 16 máy cắt, 17 máy mài, 01 máy sọc, 08
máy khí nén, 26 máy hàn, 02 máy hút bụi, 01 máy uốn, 12 máy quạt CN, 182 dụng cụ
phục vụ nghề.

+ Xưởng 2: 03 máy khoan, 01 máy cắt, 05 máy mài, 01 máy sọc, 01 máy khí nén,
01 máy hàn, 01 máy quạt CN, 15 máy tiện, 03 máy bào, 02 máy phay, 08 dụng cụ phục
vụ nghề.

+ Xưởng 3: 02 máy khí nén, 01 máy quạt CN, 02 máy tiện, 01 máy phay, 01 máy
hút bụi, 01 máy chiếu, 01 màn chiếu, 01 MH ô tô tải, 152 dụng cụ phục vụ nghề.

- Xưởng may công nghiệp:

+ Xưởng may công nghiệp 1: 65 máy MCN, 01 máy 2 kim di động, 01 máy 2 kim
cố định, 02 máy thừa khuy nút thẳng, 02 máy thừa khuy nút, 03 máy cuốn sườn 2 kim, 05
máy khâu, 03 máy cắt vải dày, 87 dụng cụ phục vụ nghề.

+ Xưởng may công nghiệp 2: 05 máy MCN, 01 máy viên, 01 máy vắt sổ 12 kim,
02 máy vắt sổ 2 kim, 01 máy 2 kim di động, 01 máy 2 kim cố định, 01 máy thừa khuy nút
thẳng,

* Số phòng thư viện, Ký túc xá, nhà ăn:

- Phòng thư viện 50 chỗ học sinh + 20 giáo viên: 01 phòng (diện tích: 264,40m²

- Ký túc xá học sinh: có 360 chỗ cho học sinh (trong đó có khu KTX với 120 chỗ
cho nữ): Có thể tiếp nhận nội trú gồm có 36 phòng, tổng diện tích: 1.776,00m²)

5.2.2. Trang thiết bị dạy nghề tại Trụ sở 2

+ Về máy vi tính phục vụ giảng dạy: Máy vi tính xách tay: 13 máy, máy chiếu: 16
máy, Overhead: 3 máy.

+ 2 phòng thực hành vi tính: 91 máy.

+ 01 phòng thực hành lắp ráp máy tính: 57 máy.

+ Phòng Lab: 45 chỗ ngồi, trang bị đầy đủ thiết bị nghe, nhìn

+ Phòng Vi tính/45 học sinh: 02 phòng (diện tích 211,2,m²).
- Khối thực hành chuyên môn trồng trọt (vườn thực hành, nhà lưới trồng rau sạch),
diện tích: 3.680,00m².

- Khối thực hành chuyên môn trại chăn nuôi (trại nuôi heo, nuôi gà, bò sữa, trạm
mùi và gia cầm, nhà tắm lông, máy sản, làm bioga), diện tích: 3.000,00m².
* Số phòng thư viện, Ký túc xá, nhà ăn.
- Phòng thư viện 50 chỗ học sinh + 20 giáo viên: 01 phòng (diện tích: 264,40m²)
- Ký túc xá học sinh: có 360 chỗ cho học sinh (trong đó có khu KTX với 120 chỗ
cho nữ): Có thể tiếp nhận nội trú gồm có 36 phòng, tổng diện tích: 1.776,00m²

5.2. Trang thiết bị dạy nghề

5.2.1. Trang thiết bị dạy nghề tại Trụ sở 1

- BM TỔNG HỢP: 18 máy vi tính, 18 màn hình 19 in, 01 máy in màu, 01 ổn áp 50 KVA, 01 máy chiếu, 01 máy nén, 01 máy hút bụi.

- BM Điện:

+ Xưởng 1: 01 máy vi tính, 01 màn hình 19 in, 01 máy in màu, 38 máy móc thiết bị, 77 mô hình, dụng cụ.

+ Xưởng 2: 08 máy vi tính, 08 màn hình 19 in, 01 máy chiếu, 01 màn chiếu, 39 máy móc thiết bị, 38 mô hình, dụng cụ.

- BM Cơ khí:

+ Xưởng 1: 07 máy khoan, 14 máy cưa, 16 máy cắt, 17 máy mài, 01 máy sọc, 08 máy khí nén, 26 máy hàn, 02 máy hút bụi, 01 máy uốn, 12 máy quạt CN, 182 dụng cụ phục vụ nghề.

+ Xưởng 2: 03 máy khoan, 01 máy cắt, 05 máy mài, 01 máy sọc, 01 máy khí nén, 01 máy hàn, 01 máy quạt CN, 15 máy tiện, 03 máy bào, 02 máy phay, 08 dụng cụ phục vụ nghề.

+ Xưởng 3: 02 máy khí nén, 01 máy quạt CN, 02 máy tiện, 01 máy phay, 01 máy hút bụi, 01 máy chiếu, 01 màn chiếu, 01 MH ô tô tải, 152 dụng cụ phục vụ nghề.

- Xưởng may công nghiệp:

+ Xưởng may công nghiệp 1: 65 máy MCN, 01 máy 2 kim di động, 01 máy 2 kim cố định, 02 máy thừa khuy nút thẳng, 02 máy thừa khuy nút, 03 máy cuốn sườn 2 kim, 05 máy khâu, 03 máy cắt vải dày, 87 dụng cụ phục vụ nghề.

+ Xưởng may công nghiệp 2: 05 máy MCN, 01 máy viền, 01 máy vắt sổ 12 kim, 02 máy vắt sổ 2 kim, 01 máy 2 kim di động, 01 máy 2 kim cố định, 01 máy thừa khuy nút thẳng,

* Số phòng thư viện, Ký túc xá, nhà ăn:

- Phòng thư viện 50 chỗ học sinh + 20 giáo viên: 01 phòng (diện tích: 264,40m²)

- Ký túc xá học sinh: có 360 chỗ cho học sinh (trong đó có khu KTX với 120 chỗ cho nữ): Có thể tiếp nhận nội trú gồm có 36 phòng, tổng diện tích: 1.776,00m²

5.2.2. Trang thiết bị dạy nghề tại Trụ sở 2

+ Về máy vi tính phục vụ giảng dạy: Máy vi tính xách tay: 13 máy, máy chiếu: 16 máy, Overhead: 3 máy.

+ 2 phòng thực hành vi tính: 91 máy.

+ 01 phòng thực hành lắp ráp máy tính: 57 máy.

+ Phòng Lab: 45 chỗ ngồi, trang bị đầy đủ thiết bị nghe, nhìn

+Phòng thí nghiệm Lý - Hóa - Sinh : trang bị đầy đủ các thiết bị, hóa chất phục vụ dạy và học các môn Lý, Hóa, Sinh phù hợp nội dung các môn văn hóa cơ bản.

+ Phòng thí nghiệm khoa Chăn nuôi và Trạm xá Thú y: trang bị đầy đủ các thiết bị chuyên ngành, hiện đại, đủ điều kiện phục vụ thực hành đào tạo.

+ Phòng thí nghiệm khoa Trồng trọt: trang bị đầy đủ các thiết bị chuyên ngành đủ điều kiện phục vụ thực hành đào tạo.

+ Phòng thực hành kế toán trang bị máy móc, phần mềm chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hành thực tập nghiệp vụ kế toán cho học sinh ngành Kế toán.

+ Trại Chăn nuôi, vườn Thực nghiệm đủ sức phục vụ nhu cầu thực hành cho đào tạo các nghề Chăn nuôi - Thú y, Trồng trọt.

5.3. Thư viện

5.3.1. Thư viện Trụ sở 1

Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 416 đầu sách trong đó sách giáo khoa 21; sách nghiệp vụ 372; sách kham thảo 23 báo và tạp chí các loại 720 tờ sách các môn học chung gồm (Tin học, ngoại ngữ, chính trị, pháp luật, GDQP và an ninh, giáo dục thể chất) 18.

5.3.2. Thư viện Trụ sở 2

Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 10.029 đầu sách

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 5.208 đầu sách

5.4. Tài chính

Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 3 năm gần đây:

- Năm 2016: 8.494.600.000 đ
- Năm 2017: 8.035.400.000 đ
- Năm 2018: 7.421.275.000 đ

Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm gần đây:

- Năm 2016: 117.548.550 đ
- Năm 2017: 150.356.724 đ
- Năm 2018: 978.100.000 đ

Tổng thu từ hoạt động liên kết đào tạo đại học, thu hoạt động dịch vụ (giữ xe, căn tin...) trong 3 năm gần đây:

- Năm 2016: 678.650.000 đ
- Năm 2017: 1.451.100.000 đ
- Năm 2018: 1.101.345.600 đ

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Ngày nay, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước thì nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng là rất lớn, từ đó đặt ra yêu cầu nâng cao CLGDNN nhằm cung ứng lực lượng lao động có tay nghề giỏi về kỹ năng, vững tay nghề, có đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có yêu cầu cao về tính khoa học, khách quan, công bằng, đồng thời đảm bảo tính thiết thực, chống hình thức. Một trong những hoạt động không thể thiếu để đáp ứng các yêu cầu trên là hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp cần được dựa trên cơ sở pháp lý chặt chẽ, nghĩa là hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được tiến hành trên cơ sở pháp luật và theo các quy định của pháp luật.

Trong những năm qua, Trường luôn xác định CLGDNN là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Nhà trường. CLGDNN đã, đang và sẽ là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Ý thức được vấn đề đó, Trường TCNNTN đã tiến hành xem xét, đánh giá về thực trạng chất lượng, hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH,... chỉ ra những mặt mạnh và những mặt yếu, từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp điều chỉnh, cải tiến để thực hiện nhằm đáp ứng mục tiêu GDNN mà Nhà trường đã đề ra.

Hoạt động tự đánh giá CLGDNN không chỉ giúp đánh giá tổng thể thực trạng hoạt động của Nhà trường - cơ sở cho việc Trường được công nhận đạt chuẩn KĐCLGDNN, mà còn phát huy được tính, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với mục tiêu và sứ mạng của Nhà trường.

Do đó, để thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai công tác kiểm định.

1.2. Vai trò của hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Thực hiện tốt và thường xuyên công tác kiểm định chất lượng sẽ tạo điều kiện cho Trường phát triển một cách vững chắc và khẳng định được vị thế của Nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Thực hiện Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Trường TC KTKT TN đã xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng của đơn vị. Đây là dịp Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất của Bộ LĐ-TB&XH ban hành. Từ kết quả tự đánh giá, BGH nhà trường, cán bộ các phòng, khoa trong toàn Trường sẽ nhận thức đầy đủ và khách quan hơn về mức độ chất lượng của các hoạt động, cũng như các tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục

sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng để phát triển Trường theo hướng bền vững.

2. TỔNG QUAN CHUNG

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp dựa trên những căn cứ sau:

- Thông tư 15/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ LĐ-TB&XH về việc ban hành bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2011 của Bộ LĐ-TB&XH quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề;

- Các nội dung tập huấn về tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đã được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp ban hành.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Trong quá trình tự kiểm định, Nhà trường sẽ tổ chức tự đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giảng dạy, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của Nhà trường và các điều kiện, phương thức học tập của HS, của giáo viên so với bộ tiêu chí. Xác định mức độ đạt được của Nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn) kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng. Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung và dài hạn. Qua đó, giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng Trường trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao, có uy tín trong đào tạo, được xã hội thừa nhận.

2.3. Yêu cầu tự kiểm định

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở GDNN, CTĐT tại trường.

- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở GDNN.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở GDNN, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về GDNN và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng do Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH ban hành, và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo;

Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của Trường và những chứng cứ để chứng minh;

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Xác định mục đích, phạm vi tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Thu thập thông tin và minh chứng; xử lý phân tích các thông tin và minh chứng.
- Đánh giá mức độ mà các đơn vị trực thuộc đã đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Công bố công khai kết quả tự kiểm định trong nội bộ Trường.

3. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	100	Đạt tiêu chuẩn kiểm định (98/100)
1	Tiêu chí 1- Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	Đạt

	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	Đạt
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	17	17
	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng môn học, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động	1	Đạt

	dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.		
	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	15
	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế	1	Đạt

	hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.		
	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15	15
	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật	1	Đạt

	những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.		
	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	14
	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng	1	Đạt

	nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sự phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp	1	Không

	ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		đạt
6	Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	4
	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	Không đạt
7	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	Đạt
8	Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học	9	9
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện	1	Đạt

	hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	Đạt
9	Tiêu chí 9 – Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	Đạt

	hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	Đạt
9	Tiêu chí 9 – Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	Đạt

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Công tác tự kiểm định chất lượng dạy nghề dựa trên hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành trong giai đoạn hiện nay thực sự có ý nghĩa thiết thực đối với các cơ sở dạy nghề, đáp ứng mục tiêu dạy nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội theo đúng chủ trương, đường lối phát triển dạy nghề của Nhà nước.

Trường TC KT-KT TN là đơn vị tuy mới gia nhập hệ thống giáo dục nghề nghiệp nhưng luôn xác định, công tác tự kiểm định đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển của nhà trường. Bởi lẽ, nhà trường ý thức được muốn phát triển bền vững phải dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá một cách toàn diện hiệu quả của quá trình hoạt động, xem xét các nhân tố ảnh hưởng, tác động đến quá trình đó nhằm phát huy và thúc đẩy các yếu tố ảnh hưởng tích cực và loại trừ các yếu tố bất hợp lý, tiêu cực.

Qua quá trình tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quy định, Trường TC KT-KT TN tự đánh giá trong 9 tiêu chí gồm 100 tiêu chuẩn và kết quả tự kiểm định có 98 tiêu chuẩn ở mức độ đạt, 02 tiêu chuẩn ở mức độ không đạt. Thông qua kết quả tự đánh giá, trường sẽ phát huy những mặt mạnh, khắc phục những tồn tại trong thời gian tới.

Kế hoạch nâng cao chất lượng trong năm 2021 của trường bao gồm:

- Tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực hiện có tại trường, cũng như hoàn thành các hạng mục còn thiếu như: ký túc xá, khu vui chơi thể thao,... cho HS.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý của Trường đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN; đặc biệt chú trọng việc nâng cao chất lượng giảng dạy đội ngũ giảng viên; đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng tạo điều kiện để giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ và đảm bảo các tiêu chuẩn quy định về giáo dục nghề nghiệp.

- Thường xuyên cập nhật, điều chỉnh nhằm đổi mới chương trình, tuyển sinh và tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo, tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong hoạt động GDNN tại trường.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong GDNN; đẩy mạnh giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, tìm kiếm sự hợp tác từ các khu vực trong nước và trên thế giới nhằm tranh thủ tiếp cận với các chương trình dạy nghề tiên tiến.

- Nâng cao hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông nhằm đảm bảo ổn định về đầu vào của công tác tuyển sinh cũng như chất lượng HSSV tại trường.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường xin đề xuất, kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức các lớp tập huấn, Hội thảo về công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp khu vực phía Nam để các Trường thuộc hệ thống GDNN có điều kiện tìm hiểu, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm từ các đơn vị cao đẳng nghề nhằm thực hiện tốt hơn công tác tự đánh giá này.

Tây Ninh, ngày 15 tháng 12 năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- TCGDNN;
- Sở LĐTBXH (B/c);
- Lưu VT.



Phạm Văn Vinh